TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **53**/2020/HNGĐ-ST Ngày: 20-8-2020. V/v**:** " Tranh chấp ly hôn giữa ông H và bà L".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Ông Từ Hồng H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ , tỉnh L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:160/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/QĐTS-HNGD Ngày 23/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Quang H; Địa chỉ: số 65/28, đường H, phường D, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L; Địa chỉ: số 65 đường H, phường D, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Cao Quang H trình bày: ông và bà L kết hôn vào năm 1991, đăng ký kết hôn tại UBND phường I, thành phố Đ, tỉnh L, hôn nhân do hai bên tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bà L địa chỉ 9/10 hẻm S, phường I, thành phố Đ, tỉnh L. Sống hạnh phúc đến 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà L đòi hỏi về tiền bạc, mà ông thì không thể đáp ứng được dẫn đến bất đồng không giải quyết được, bà L

bỏ đi từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông thấy tình cảm đối với nhau đã hết, ông yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Cao Nguyễn Quốc H, sinh ngày 26/01/1992. Hiện con đã trưởng thành có vợ.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của ông Cao QuangH.

Tại phiên tòa, ông Cao Quang H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Cao Quang H có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị L, nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là " Ly hôn" theo qui định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị L cư trú, sinh sống tại: Số đường H, phường D, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ vào khỏan 1 Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Cao Quang H và Bà Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường I, thành phố Đ, tỉnh L vào năm 1994 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Cao Quang H và bà Nguyễn Thị L là tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Theo ông Cao Quang H qúa trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bà L đòi hỏi về tiền bạc, mà ông thì không thể đáp ứng được dẫn đến bất đồng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử động viên ông Cao Quang H trở lại đoàn tụ với bà Nguyễn Thị L nhưng ông kiên quyết không đồng vì từ năm 2014 cho đến vợ chồng sống ly thân, tình cảm không còn. Về phía bà Nguyễn Thị L Tòa án triệu tập hợp lệ không có mặt để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của ông Cao Quang H là thể hiện thái độ không còn mong muốn hằn gắn tình cảm vợ chồng với ông H. Tòa án tham khảo ý kiến của con, được biết mâu thuẫn giữa ông H và bà L là có thật và kéo dài. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Nên yêu cầu xin ly hôn của ông Cao Quang H là có căn cứ, áp dụng Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Cao Quang H, cho ly hôn giữa ông Cao Quang H và bà Nguyễn Thị L.

[4] Về con chung: Giữa vợ chồng ông Cao Quang H và bà Nguyễn Thị L có 01 con chung là là Cao Nguyễn Quốc H, sinh ngày 26/01/1992. Hiện con đã trưởng thành nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không đề cập.

[6] Về án phí: Ông Cao Quang H không xin miễn án phí mà đồng ý chịu án phí hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Cho ly hôn giữa ông Cao Quang H và bà Nguyễn Thị L.

2- Về án phí: Ông Cao Quang H đồng ý chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0017318 ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ), ông H đã nộp đủ.

3-Về quyền kháng cáo: Ông Cao Quang H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận
- TAND tỉnh L (02);
- VKSND tp.Đ;
- UBND phường I, Tp.Đ
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga